

Bản án số: 85/2026/LĐ-PT.
Ngày: 06/5/2026
V/v kiện: “Tranh chấp tiền lương”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyên Nguyên.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Giảng.

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số: 03/2026/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp tiền lương”.

Do Bản lao động sơ thẩm số: 33/2025/LĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1244/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 4291/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 5651/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Căn số 1 Tầng 5 Chung cư A, Đường B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Bị đơn: **Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M;**

Trụ sở: 630-632 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Đại Đ và bà Huỳnh Thiên H; Địa chỉ: 630-632 I, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 09/10/2023, bà có ký kết Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 022/HĐQT-SIVC.2023 với Công Ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M (sau đây gọi tắt là Công ty). Thời gian làm việc từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/9/2024, Chức danh: Chuyên viên; Mức lương trong hợp đồng lao động gồm lương chính: 6.089.000 đồng, ngoài ra còn các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp khác, lương doanh thu hoặc tiền thưởng trên doanh thu (nếu có). Hình thức trả lương là chuyển khoản vào ngày 20 và ngày 05 hàng tháng.

Ngày 10/10/2023, Công ty ban hành Quyết định số 23/QĐ-SIVC.2023 về việc bổ nhiệm bà làm Quyền kế toán trưởng của Công ty. Mức lương là 6.089.000 đồng, phụ cấp là 940.000 đồng, tổng cộng là 7.029.000 đồng. Tuy nhiên trên thực tế giữa bà và Công ty có thỏa thuận miệng về việc mức lương của bà là 25.000.000 đồng/tháng.

Ngày 30/11/2023, Công ty ban hành Quyết định số 028/QĐ-HĐQT-SIVC.2023 về việc bổ nhiệm bà làm Kế toán trưởng của Công ty, bắt đầu từ ngày 01/12/2023, mức lương cơ bản là 7.400.000 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế các bên có thỏa thuận miệng về việc mức lương bà được hưởng là 30.000.000 đồng/tháng.

Lý do mức lương thực tế của bà khác với mức lương trong hợp đồng và các quyết định bổ nhiệm là để giảm số tiền đóng bảo hiểm xã hội.

Trong thời gian làm việc, Công ty đã trả lương cho bà như sau:

- Tháng 10/2023: Thời gian làm việc là 16 ngày, lương thực nhận sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 17.443.773 đồng;
- Tháng 11/2023: Lương thực nhận sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 24.261.955 đồng;
- Tháng 12/2023: Lương thực nhận sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 29.223.000 đồng;
- Tháng 01/2024: Lương thực nhận sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 29.223.000 đồng;
- Tháng 02/2024: Lương thực nhận sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 29.223.000 đồng;
- Tháng 3/2024: Lương đã nhận là 24.223.000 đồng, Công ty còn nợ tiền lương là 5.000.000 đồng;
- Tháng 4/2024: Lương đã nhận là 19.223.000 đồng, Công ty còn nợ tiền lương là 10.000.000 đồng;
- Tháng 5/2024: Lương đã nhận là 19.223.000 đồng, Công ty còn nợ tiền lương là 10.000.000 đồng;
- Tháng 6/2024: Công ty còn nợ tiền lương là 29.223.000 đồng;
- Tháng 7/2024: Bà làm việc tại Công ty đến ngày 22/7/2024 (15 ngày), Công ty còn nợ 21.111.111 đồng.

Tháng 7/2024, Công ty có họp thông báo về việc sẽ tạm dừng hoạt động vì tình hình khó khăn và mong muốn Phòng Tài chính - Kế toán xử lý số liệu để ổn định trước khi nghỉ. Bà và các đồng nghiệp phòng Kế toán đã đi làm việc

xuyên suốt để kịp xử lý số liệu cho Công ty và các nhân sự trước khi tạm dừng hoạt động. Bản thân bà tại thời điểm này đang mang thai nhưng vẫn đến Công ty làm việc đi và về gần 30km/ngày. Công ty giai đoạn đó có 01 trụ sở và hơn 30 chi nhánh, bà đã xử lý tất cả báo cáo tài chính, báo cáo thuế quý 2/2024 trước khi nghỉ để Công ty không bị phạt. Bà cũng đã trình bày với 02 lãnh đạo đề nghị Công ty phải trả lương cho phòng kế toán đủ, cả 02 đều đồng ý.

Ngày 22/7/2024, bà đã nghỉ việc tại Công ty theo Quyết định số 363/QĐ-SIVC.2024 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 022/HĐQT-SIVC.2023 mà các bên đã ký kết.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn còn nợ lương của bà các tháng 4, 5, 6, 7/2024. Bà đã nhiều lần liên hệ người đại diện pháp luật mới của Công ty và các vị trí chủ chốt khác, nhưng các cá nhân trên đều tránh né, không nhận điện thoại, không trả lời tin nhắn. Ngoài ra, bà cũng đã liên hệ Phòng Hành chính nhân sự của Công ty để yêu cầu thanh toán lương nhưng chỉ nhận được phản hồi khi nào Công ty bán tài sản rồi sẽ trả lương.

Tại các ngày 18 và 25/02/2025, bà đã làm việc với đại diện Công ty tại Liên đoàn Lao động Quận 1, theo đó, bà có yêu cầu thanh toán nợ lương các tháng 4, 5, 6, 7/2024 với số tiền là 51.304.247 đồng (đồng ý mức lương trong giai đoạn này là 25.000.000 đồng/tháng nhằm chia sẻ với Công ty trong giai đoạn khó khăn), nhưng Công ty vẫn tránh né và không thanh toán khoản nợ lương cho bà, vì vậy, buổi hòa giải không thành.

Xét thấy, Công ty đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm thanh toán lương cho bà và không có thiện chí để giải quyết vụ việc, vì vậy, bà đã khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán các khoản nợ lương của các tháng 4, 5, 6, 7/2024 theo mức lương thỏa thuận là 30.000.000 đồng/tháng và các khoản lãi chậm trả lương, tạm tính đến ngày 31/5/2025 là 76.855.478 đồng, trong đó tiền lương còn thiếu là 70.334.111 đồng, tiền lãi là 6.521.367 đồng, cụ thể:

- Tháng 4/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 1.083.333 đồng.

- Tháng 5/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 1.000.000 đồng

- Tháng 6/2024: Số tiền lương còn nợ là 29.223.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 2.678.775 đồng

- Tháng 7/2024: Số tiền lương còn nợ là 21.111.111 đồng, số tiền lãi chậm trả là 1.759.259 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện thì ngày 19/8/2025, Công ty đã trả bà tiền lương tháng 7/2024 số tiền 4.826.087 đồng và ngày 20/8/2025, Công ty đã trả cho bà tiền lương tháng 6/2024 số tiền là 6.623.000 đồng.

Do đó, nay bà yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương các tháng 4, 5, 6, 7/2024 còn thiếu 56.544.485 đồng, trong đó:

- Tháng 4/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng,
- Tháng 5/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng,
- Tháng 6/2024: Số tiền lương còn nợ là 22.600.000 đồng,
- Tháng 7/2024: Số tiền lương còn nợ là 13.944.485 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu Công ty trả lãi số tiền 6.521.367 đồng thì bà rút yêu cầu này.

Bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M có ông Vũ Đại Đức là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty có ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 022/HĐQT-SIVC.2023 ngày 09/10/2023 với bà Phạm Thị Mỹ L, thời gian làm việc là từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/9/2024, chức danh chuyên viên, mức lương chính trong hợp đồng là 6.089.000 đồng và các khoản phụ cấp, lương doanh thu (nếu có).

Ngày 10/10/2023, Công ty có Quyết định số 23/QĐ-SIVC.2023 về việc bổ nhiệm cán bộ đối với bà L, chức vụ là Quyền kế toán trưởng, mức lương là 6.089.000 đồng, phụ cấp là 940.000 đồng. Tổng là 7.029.000 đồng/tháng.

Ngày 30/11/2023, Công ty có Quyết định số 028/QĐ-HĐQT-SIVC.2023 về việc bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng với bà L bắt đầu từ ngày 01/12/2023, mức lương cơ bản là 7.400.000 đồng/tháng.

Ngày 22/7/2024, Công ty có Quyết định số 363/QĐ-SIVC.2024 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà L từ ngày 22/7/2024.

Do tình hình kinh doanh còn khó khăn nên trước đây Công ty còn nợ tiền lương tháng 6, 7/2024 của bà L.

Ngày 19/8/2025, Công ty đã trả cho bà L tiền lương còn thiếu tháng 7/2024 số tiền là 4.826.087 đồng.

Ngày 20/8/2025, Công ty đã trả cho bà L tiền lương còn thiếu tháng 6/2024 số tiền là 6.623.000 đồng.

Như vậy, Công ty đã thanh toán toàn bộ lương còn nợ cho bà L. Do đó với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L thì Công ty không đồng ý.

Theo bảng sao kê tài khoản mà phía bà L cung cấp thì tại các tháng 10, 11, 12/2023, tháng 01, 02, 3, 4/2024 số tiền lương Công ty đã thanh toán cho bà L vượt mức lương 7.400.000 đồng/tháng. Đây là quyết định của ban lãnh đạo cũ của Công ty, có thể đây là khoản tiền thưởng, tiền hiệu suất tuy nhiên hiện nay ông cũng không rõ chính xác về khoản tiền này. Nay Công ty chỉ đồng ý thanh toán lương cho bà L theo đúng mức lương các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và trong các quyết định bổ nhiệm mà Công ty ban hành và Công ty đã thực hiện thanh toán lương đầy đủ cho bà L.

Tại Bản lao động sơ thẩm số: 33/2025/LĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L.

Buộc Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M phải thanh toán cho bà Phạm Thị Mỹ L tiền lương còn thiếu từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 số tiền là 56.544.485 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) phát sinh từ Hợp đồng lao động số 1022/HĐQT-SIVC.2023 ngày 09/10/2023. Thực hiện trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần Thông tin và Thảm định giá M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Thông tin và Thảm định giá M thanh toán khoản tiền lãi chậm trả lương số tiền là 6.521.367 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/10/2025, bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thảm định giá M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Công nhận mức lương 6.089.000 đồng/tháng theo Hợp đồng lao động kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2023, mức lương 7.400.000 đồng/tháng theo Quyết định bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

2. Buộc Công ty chỉ phải thanh toán lương và các khoản phụ cấp theo đúng Hợp đồng lao động, Quyết định đã ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hòa giải và đồng ý thanh toán số tiền nợ lương cho bà L một lần với số tiền 18.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L không đồng ý, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét, trình bày của bà L là phù hợp với Bảng lương công ty, nội dung thanh toán, số tiền thực tế nhận được, do vậy có căn cứ xác định mặc dù các bên không có văn bản thỏa thuận nhưng trên thực tế thì mỗi tháng Công ty đã trả lương cho bà L với mức lương tại thời điểm bà L giữ chức vụ Quyền kế toán trưởng vào tháng 10 và tháng 11/2023 là 25.000.000 đồng/tháng và tại thời điểm bà L giữ chức Kế toán trưởng từ ngày 01/12/2023 mức lương là 30.000.000 đồng/tháng. Do đó, có cơ sở để xác định kể từ ngày 01/12/2023 mức lương thực tế của bà L là 30.000.000 đồng/tháng.

Công ty Thảm định giá M trình bày mức lương của bà L là 6.089.000 đồng/tháng và 7.400.000 đồng/tháng nhưng bảng lương của Công ty không có tháng nào thể hiện mức lương này. Công ty cho rằng mức lương trả cao hơn là do ban lãnh đạo cũ của Công ty quyết định, ban lãnh đạo mới không biết là không phù hợp.

Căn cứ bảng sao kê tài khoản của bà L thì có căn cứ xác định từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2023, Công ty thanh toán cho bà L thiếu số tiền lương là 56.544.485 đồng, cụ thể:

- Tháng 4/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng,
- Tháng 5/2024: Số tiền lương còn nợ là 10.000.000 đồng,

- Tháng 6/2024: Số tiền lương còn nợ là 22.600.000 đồng,
- Tháng 7/2024: Số tiền lương còn nợ là 13.944.485 đồng.

Khoản 1 Điều 94 BLLĐ 2019 quy định: “Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp”.

Khoản 1 Điều 95 BLLĐ 2019 quy định: “Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc”.

Do Công ty Thẩm định giá M không thanh toán đầy đủ tiền lương cho bà L nên bà L yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Công ty Thẩm định giá M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh mức lương của bà L được trả theo mức ghi trong hợp đồng, do vậy không có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Thẩm định giá M, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 33/2025/LĐ-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M cho rằng các khoản chi trả cao hơn mức lương cơ bản đã ký kết theo Hợp đồng lao động không phải là lương mà là các khoản chi mang tính chất "đột xuất," phụ thuộc vào quyết định đơn phương của cựu lãnh đạo và tình hình kinh doanh của công ty.

Các khoản chi trả này thay đổi thất thường: Tháng 12/2024 đến tháng 2/2025 là 30 triệu, tháng 3/2025 là 25 triệu, và tháng 4, tháng 5/2025 là 20 triệu. Chỉ dựa vào việc công ty chi trả trong 3 tháng từ tháng 12/2024 đến tháng 2/2025 và cho đó là mức lương cố định của bà Phạm Thị Mỹ L là hoàn toàn không có cơ sở. Sự biến động không theo một quy luật nào cho thấy đây không phải là lương thỏa thuận. Lương cố định phải được duy trì ổn định, chỉ thay đổi khi có phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận bổ sung chính thức.

Các khoản tiền đã chi trả cao hơn mức lương cơ bản có thể là các khoản thưởng, hỗ trợ hoặc chi phí khác. Do cựu lãnh đạo không bàn giao công việc đầy đủ nên Công ty gặp khó khăn trong việc làm rõ bản chất của các khoản tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn đồng ý thanh toán số tiền nợ lương cho bà L làm một lần với số tiền 18.000.000 đồng. nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L không đồng ý đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét,

[2.1] Công ty thẩm định giá M cho rằng mức lương thực tế của bà L đã được thể hiện trong hợp đồng lao động và các quyết định bổ nhiệm nên công ty chỉ đồng ý trả tiền cho bà L theo mức lương này. Tuy nhiên Công ty không đưa ra bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc chuyển cho bà L các khoản tiền lương vượt mức lương được đề cập trong hợp đồng lao động và các quyết định bổ nhiệm là bao gồm những chi phí nào mà chỉ dựa vào lý do đó là những khoản chi mang tính chất "đột xuất," phụ thuộc vào quyết định đơn phương của cựu lãnh đạo và tình hình kinh doanh của công ty và do ban lãnh đạo cũ của Công ty không bàn giao nên ban lãnh đạo mới của Công ty không biết là không có căn cứ. Việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là nghĩa vụ của bị đơn, việc bàn giao giữa ban lãnh đạo cũ và ban lãnh đạo mới của Công ty là việc nội bộ của Công ty nên Công ty lấy lý do này để chứng minh cho việc không nộp được các tài liệu, chứng cứ đối với các khoản chi lương vượt mức lương được đề cập trong hợp đồng lao động và các quyết định bổ nhiệm là không có cơ sở để được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định liên quan đến vấn đề này là có căn cứ.

[2.2] Ngoài ra, căn cứ sao kê Ngân hàng tài khoản số 8804581333 của bà Phạm Thị Mỹ L tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định:

- Tháng 10/2023: Bà L đi làm từ ngày 10/10/2023, thời gian làm việc là 16 ngày, đóng bảo hiểm xã hội là $7.029.000 \text{ đồng} \times 10,5\% = 738.045 \text{ đồng}$, tiền lương thực tế của bà L là $(25.000.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày}) \times 16 \text{ ngày} - 738.045 \text{ đồng} = 17.443.773 \text{ đồng}$. Ngày 03/11/2023, Công ty chuyển tiền cho bà L số tiền 17.443.773 đồng với nội dung "SIVC TT lương T10 2023 lần 2".

- Tháng 11/2023: Lương thực tế là $25.000.000 \text{ đồng} - 738.045 \text{ đồng (BHXH)} = 24.261.955 \text{ đồng}$. Ngày 20/11/2023, Công ty chuyển cho bà L số tiền 6.290.955 đồng với nội dung "SIVC TT lương T11 2023 lần 1". Ngày 01/12/2023, Công ty chuyển cho bà L số tiền 17.971.000 đồng với nội dung "SIVC TT lương T11 2023 lần 2". Như vậy Công ty đã chuyển cho bà L tổng lương tháng 11/2023 là 24.261.955 đồng.

- Tháng 12/2023: Lương thực tế thỏa thuận là 30.000.000 đồng/tháng, đóng Bảo hiểm xã hội là $7.400.000 \text{ đồng} \times 10,5\% = 777.000 \text{ đồng}$. Tiền lương thực tế của bà L là $30.000.000 \text{ đồng} - 777.000 \text{ đồng} = 29.223.000 \text{ đồng}$. Ngày 28/12/2023, Công ty chuyển cho bà L số tiền 6.623.000 đồng với nội dung "SIVC TT lương T12 2023 lần 1". Ngày 04/01/2024, Công ty chuyển cho bà L số tiền 22.600.000 đồng với nội dung "SIVC TT lương T12 2023 lần 2". Như vậy, Công ty đã chuyển cho bà L tổng lương tháng 12/2023 là 29.223.000 đồng.

- Tháng 01/2024: Lương thực tế của bà L là $30.000.000 \text{ đồng} - 777.000 \text{ đồng (đóng BHXH)} = 29.223.000 \text{ đồng}$. Ngày 26/01/2024, Công ty chuyển cho bà L số tiền 6.623.000 đồng với nội dung "SIVC TT lương T01 năm 2024 lần 1". Ngày 02/02/2024, Công ty chuyển cho bà L số tiền 22.600.000 đồng với nội dung "SIVC TT lương T01.2024 lần 2". Như vậy Công ty đã chuyển cho bà L tổng lương tháng 01/2024 là 29.223.000 đồng.

- Tháng 02/2024: Lương thực tế của bà L là $30.000.000 \text{ đồng} - 777.000 \text{ đồng (đóng BHXH)} = 29.223.000 \text{ đồng}$. Ngày 04/3/2024, Công ty chuyển cho

bà L số tiền 6.623.000 đồng với nội dung “SIVC TT lương CBNV T02 năm 2024 lần 1”. Ngày 22/3/2024, Công ty chuyển cho bà L số tiền 22.600.000 đồng với nội dung “SIVC TT lương T02 2024 lần 2”. Như vậy Công ty đã chuyển cho bà L tổng lương tháng 02/2024 là 29.223.000 đồng.

Như vậy, sau khi trừ đi số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội theo đúng mức lương trong hợp đồng lao động và các quyết định bổ nhiệm thì số tiền thực tế bà L thực nhận hoàn toàn khớp với lời trình bày của bà L về việc có sự thỏa thuận miệng giữa bà L và Công ty cụ thể: Mỗi tháng Công ty đã trả lương cho bà L với mức lương tại thời điểm bà L giữ chức vụ Quyền kế toán trưởng vào tháng 10 và tháng 11/2023 là 25.000.000 đồng/tháng và tại thời điểm bà L giữ chức Kế toán trưởng từ ngày 01/12/2023 mức lương là 30.000.000 đồng/tháng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định kể từ ngày 01/12/2023 mức lương thực tế của bà L là 30.000.000 đồng/tháng là có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện để giải quyết vụ án. Bản án đã xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tại Tòa phúc thẩm người kháng cáo đại diện bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới làm căn cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L.

Buộc Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M phải thanh toán cho bà Phạm Thị Mỹ L tiền lương còn thiếu từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 số tiền là 56.544.485 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) phát sinh từ Hợp đồng lao động số 1022/HĐQT-SIVC.2023 ngày 09/10/2023. Thực hiện trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M thanh toán khoản tiền lãi chậm trả lương số tiền là 6.521.367 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.696.335 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

4. Về án phí lao động phúc thẩm :

Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024121 ngày 08/10/2025 của Thi hành án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá M đã đóng đủ tiền án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND KV1-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- PTHADS KV1-Tp.HCM;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nguyên Nguyên